

Số: 563A/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 16 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 533/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Bảo Anh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 09 Đặng D, phường Thuận T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 331 Huỳnh Thúc K, phường Phú H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Bảo Anh T và chị Trần Thị Kim H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 16/10/2012. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Nguyễn Bảo Anh T, chị Trần Thị Kim H xác nhận tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Bảo Anh T và chị Trần Thị Kim H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị H.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Bảo Anh T và chị Trần Thị Kim H xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 10/11/2013 và Nguyễn Trần Bảo C, sinh ngày 06/03/2016. Anh T, chị H thỏa thuận giao cả hai con chung là cháu Bảo K và cháu Bảo C cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên (Đủ 18 tuổi), cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo K. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H. Anh Nguyễn Bảo Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), phần của cháu K 2.500.000 đồng; phần của cháu Châu 2.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu Bảo K và Bảo C thành niên (Đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Bảo Anh T, chị Trần Thị Kim H, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Bảo Anh T, chị Trần Thị Kim H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Bảo Anh T, chị Trần Thị Kim H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 12 năm 2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Bảo Anh T và chị Trần Thị Kim H.

- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 10/11/2013 và Nguyễn Trần Bảo C, sinh ngày 06/3/2016 cho chị Trần Thị Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Bảo Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), phần của cháu Bảo K 2.500.000 đồng; phần cháu Bảo C 2.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bảo K và cháu Bảo C trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không

ai được cản trở.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Bảo Anh T, chị Trần Thị Kim H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Bảo Anh T, chị Trần Thị Kim H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Bảo Anh T, chị Trần Thị Kim H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh T, chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000678 ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND phường Thuận T, thành phố Huế (ĐKKH số 116, ngày 16/10/2012);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**Trương Thị Đào Vi**